

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 07/3/2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Hiên

2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn B, sinh ngày 01/02/1962; nơi cư trú: Ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Phi H, sinh ngày 01/01/1960; nơi cư trú: ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khóm 02, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:*

Cha ông là Trần Văn Ma và mẹ là Lý Thị A đã chết. Khi còn sống ông Trần Văn M có 05 công đất tọa lạc tại ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi ông Trần Văn M chết thì ông Trần Phi H và Trần Thanh B đứng ra bán đất của ông Trần Văn M để lại. Tại thời điểm đó, ông đang sinh sống tại Campuchia nên không biết sự việc. Sau khi bán đất thì ông Hiếu và Bình nói chia cho anh em mỗi người 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền 200.000.000 đồng của ông được ông Bình cho thì ông Trần Phi H giữ. Khi ông biết sự việc và gặp ông Hiếu đòi số tiền

200.000.000đồng thì ông Hiếu thừa nhận có giữ 200.000.000đồng của ông có được từ việc phân chia tiền bán 05 công đất nói trên. Ông nhiều lần yêu cầu ông Hiếu trả lại số tiền 200.000.000đồng thì ông Hiếu trả cho ông được 40.000.000đồng, còn lại 160.000.000đồng chưa trả. Tại Đơn khởi kiện ngày 19/9/2022, ông khởi kiện yêu cầu ông Trần Phi H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Phi H trả lại số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

** Bị đơn ông Trần Phi H trình bày:*

Trước kia cha ông là Trần Văn M có diện tích đất 4,5 công đất do ông Tám cho. Sau khi cha ông chết thì Trần Thanh B là người canh tác đất và đứng tên. Thời gian sau gia đình Trần Thanh B gặp khó khăn và thiếu nợ nên bán đất cho anh em mỗi người số tiền 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Ông có giữ số tiền 190.000.000đồng mà ông Trần Văn B được cho chứ không phải 200.000.000đồng. Số tiền 190.000.000đồng do ông Trần Thanh B bán 4,5 công đất cho tiền ông Trần Văn B. Khi ông Trần Văn B đòi tiền thì ông có đưa cho Trần Văn B số tiền 40.000.000đồng, còn lại 150.000.000đồng. Vì tình nghĩa anh em và ông đang gặp khó khăn về kinh tế nên mỗi tháng ông sẽ trả cho ông Trần Văn B số tiền từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng cho đủ số tiền 150.000.000đồng. Nếu ông Trần Văn B yêu cầu trả 01 lần số tiền 150.000.000đồng thì ông không đồng ý trả vì đất này đã sang tên cho Trần Thanh B không còn là của cha Trần Văn M nên ông Trần Văn B không có quyền đòi chia.

** Tại phiên tòa:*

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Phi H trả lại số tiền 150.000.000đồng của ông, 200.000.000đồng của bà Trần Thị Tuyết và 100.000.000đồng tiền phở thờ mà ông Trần Phi H đang giữ. Nguồn gốc số tiền là do Trần Thanh B bán đất của cha mẹ để lại chia cho anh em. Ông Trần Văn B không yêu cầu tiền lãi.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B và bị đơn ông Trần Phi H thống nhất ông Trần Phi H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn B số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả trong 01 năm, phương thức trả hằng tháng, mỗi tháng trả 12.000.000đồng, tháng cuối cùng trả 18.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả lần đầu tiên là ngày 07/4/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B và bị đơn ông Trần Phi H thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nội dung giải quyết vụ án của các đương sự; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B đối với số tiền 10.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu ông Trần Phi H trả lại tiền từ ông Trần Phi H đang giữ nên đây là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Phi H đang cư trú tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Tòa án đã thông báo các đương sự giao nộp chứng cứ và đã tiến hành thu thập chứng cứ. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[1.3] Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B bổ sung yêu cầu ông Trần Phi H trả lại số tiền 200.000.000đồng của bà Trần Thị Tuyết và 100.000.000đồng tiền phở thờ mà ông Trần Phi H đang giữ. Xét thấy, Tại Đơn khởi kiện ngày 19/9/2022, nguyên đơn ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu ông Trần Phi H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Phi H trả lại số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, nguyên đơn ông Trần Văn B bổ sung yêu cầu ông Trần Phi H trả lại số tiền 200.000.000đồng của bà Trần Thị Tuyết và 100.000.000đồng tiền phở thờ là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện; tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu của ông Trần Văn B; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng của nguyên đơn ông Trần Văn B.

[2] Về nội dung vụ án

Nguyên đơn ông Trần Văn B yêu cầu bị đơn ông Trần Phi H trả lại số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) ông Trần Thanh B bán đất chia cho ông. Xét thấy, Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Người được giao tài sản thông qua hợp đồng mua bán, tặng cho, trao đổi, cho vay hoặc hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật thì có quyền sở hữu tài sản đó”*. Ông Trần Phi H thừa nhận: Ông Trần Văn B được ông Trần Thanh B cho số tiền 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) từ việc ông Trần Thanh B bán đất năm 2021; ông là người giữ số tiền 190.000.000đồng mà ông Trần Văn B được ông Trần Thanh B chia cho; khi Trần Văn B đòi thì ông đã giao lại cho ông Trần Văn B được 40.000.000đồng. Vậy, ông Trần Văn B có quyền sở hữu số tiền 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”*. Ông Trần Văn B có quyền sở hữu số tiền 190.000.000đồng. Ông Trần Phi H thừa nhận giữ số tiền 190.000.000đồng của ông Trần Văn B được ông Trần Thanh B bán đất chia cho. Ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Phi H trả lại số tiền 190.000.000đồng nhưng ông Trần Phi H chỉ trả lại 40.000.000đồng còn lại 150.000.000đồng chưa trả. Vậy, ông Trần Phi H còn giữ số

tiền 150.000.000đồng của ông Trần Văn B là không có căn cứ pháp luật nên phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B và bị đơn ông Trần Phi H tự nguyện thống nhất thỏa thuận ông Trần Phi H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn B số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả trong 01 năm, phương thức trả hằng tháng, mỗi tháng trả 12.000.000đồng, tháng cuối cùng trả 18.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả lần đầu tiên là ngày 07/4/2023. Xét thấy, Nội dung thỏa thuận giữa ông Trần Văn B và ông Trần Phi H tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “Trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó”. Ông Trần Văn B và ông Trần Phi H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Ông Trần Phi H phải chịu 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định: Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên. Ông Trần Phi H sinh năm 1959 là công dân Việt Nam và tính đến ngày 07/3/2023 ông Trần Phi H đã đủ 60 tuổi. Do đó, ông Trần Phi H là người cao tuổi. Ngày 07 tháng 3 năm 2023, ông Trần Phi H có đơn xin miễn án phí. Tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp án phí. Ông Trần Phi H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí. Vì vậy, ông Trần Phi H được miễn nộp 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 223, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

Buộc ông Trần Phi H trả cho ông Trần Văn B số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), trả trong thời hạn 01 năm, phương thức trả hằng tháng, mỗi tháng trả 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng), tháng cuối cùng trả 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng), thời hạn bắt đầu trả lần đầu là ngày 07/4/2023.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng của nguyên đơn ông Trần Văn B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về án phí:

Ông Trần Phi H phải chịu 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn nộp 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệp